

ĐỒ GỒM DI TÍCH GÒ GIỒNG CÁT NHÌN TỪ ĐỊA TẦNG TRONG VĂN HÓA ÓC EO

NGUYỄN VĂN MẠNH *

Lời mở

Trong chương trình nghiên cứu thuộc đề án “Nghiên cứu khu di tích khảo cổ học Óc Eo - Ba Thê, Nền Chùa (văn hóa Óc Eo Nam Bộ)”, các cuộc khai quật của Viện Khảo cổ học đã có nhiều phát hiện quan trọng, trong đó có nhóm hiện vật gốm mang nhiều thông tin giúp cho chúng ta thêm những nhận thức mới cho vấn đề này.

Trong bài viết này, một mặt kế thừa những thành quả nghiên cứu trước đó và dựa vào các nguồn tư liệu gốm phát hiện ở khu di tích Gò Giồng Cát để có nhận thức và so sánh về loại hình và chất liệu gốm ở khu vực này với toàn bộ địa tầng của văn hóa Óc Eo tại khu vực Thoại Sơn. Nguồn tư liệu được sử dụng trong bài viết, chủ yếu là báo cáo trong các cuộc khai quật, di vật được trưng bày ở các Bảo tàng và tập hợp loại hình di vật gốm được phát hiện trong cuộc khai quật tại khu di tích Gò Giồng Cát B, để tìm hiểu về loại hình cùng chất liệu gốm trong địa tầng của văn hóa Óc Eo. Tôi không tham vọng nghiên cứu chuyên sâu mà chỉ dựa vào diễn biến địa tầng để tìm hiểu về sự thay đổi về các yếu tố loại hình và chất liệu trên gốm ở khu vực này từ sớm cho đến muộn ở trong khu di tích văn hóa Óc Eo nói riêng và trong khu vực đồng bằng châu thổ sông Cửu Long nói chung.

1. Vị trí và cảnh quan khu di tích Gò Giồng Cát

Gò Giồng Cát (còn gọi là Gò Lớn, tên địa phương là Tuol Thom) tọa lạc tại 10°14'0.53" vĩ Bắc, 105°09'53.41" kinh Đông, thuộc khu vực I theo bản đồ của L. Malleret, nằm ở tây bắc đô thị cổ Óc Eo. Di tích được Malleret khảo sát lần đầu năm 1942, ghi nhận một gò nổi (Dwl Thma Dam) với nhiều gạch vỡ và tảng đá hoa cương lớn, có thể là tàn tích của một kiến trúc cổ đã sụp đổ (Malleret 1959: 211-212).

Khu vực khai quật do Viện Khảo cổ học thực hiện cách kiến trúc K khoảng 100m về đông bắc, gần các di tích Giồng Trôm (200m) về phía đông bắc, Gò Cây Thị (700m) về phía tây nam và Gò Óc Eo (900m). Gò có diện tích khoảng 19.000m² (170 x 110)m, hiện là nơi sinh sống và canh tác của một số hộ dân. Trên bề mặt có nhiều mảnh gạch, gốm vỡ và đá hoa cương. Cây trồng phổ biến là xoài, dừa, ổi, chuối...

Trước khai quật, đây là vườn cây ăn trái của gia đình ông Út Nguyên, có nhiều cây lâu năm và cỏ dại. Trên lớp mặt và bờ vách quan sát thấy nhiều mảnh gốm, hạt chuối. Nền kiến trúc đã bị xáo trộn nghiêm trọng do hoạt động sinh hoạt và canh tác.

* Viện Khảo cổ học

Cuộc khai quật tại Gò Giồng Cát do hai đơn vị thực hiện: Trung tâm Khảo cổ học - Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ khai quật khu A (gồm kiến trúc K) phía đông gò; Viện Khảo cổ học thực hiện khu B ở phía tây, rộng khoảng 5.200m² (82 x 64)m, thuộc đất gia đình ông Út Nguyên.

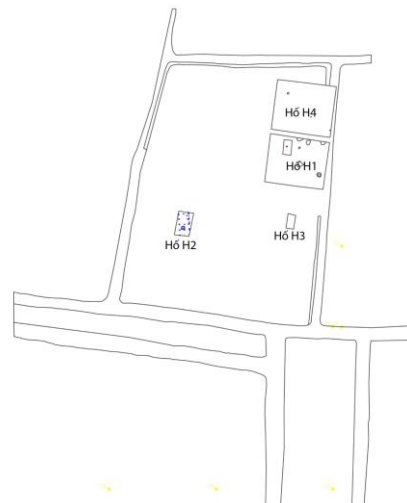
Tại khu B, bốn hố khai quật được mở: H01, H04 (đông bắc); H02 (tây nam); H03 (đông nam). Khu vực này cao hơn xung quanh, có thể là trung tâm gò xưa. Hiện trạng là vườn cây ăn trái được chia thành luống đất (rộng 4,5m) và rãnh nước tưới (rộng 2,3 - 4,1m, sâu 0,8m). Góc tây nam là trại nhà dân, phía tây là ao và ruộng lúa (Hình 1). Cụ thể như sau:

Hố 01 (OE.18.GGC.B.H01): Ban đầu có diện tích 15m², sau mở rộng thành 304m² (17,5 × 19)m. Tọa độ: X - 900 → -915; Y 1392,7 → 1411,3. Hố nằm ở phía đông khu vực khai quật, sát bờ nam hố H04, cách H03 khoảng 9m về phía nam và H02 khoảng 26m về phía tây nam; cách khu Gò Giồng Cát A 10m về phía đông.

Hố 02 (OE.18.GGC.B.H02): Diện tích 40m² (8 × 5)m. Tọa độ: X -924,8 → -932,2; Y 1359,9 → 1364,9. Hố mở tại vườn xoài, cách H03 khoảng 31m về phía đông, H04 khoảng 26m về đông bắc; gần nhà ông Út Nguyên và ruộng canh tác lúa (18m về phía tây).

Hố 03 (OE.18.GGC.B.H03): Diện tích 15m² (5 × 3)m. Tọa độ: X -918,1 → -922,8; Y 1398 → 1401,1. Nằm phía đông khu khai quật, cách H02 khoảng 31m về phía tây, H01 khoảng 9,3m về phía bắc; cách Gò Giồng Cát A 10m về phía đông.

Hố 04 (OE.18.GGC.B.H04): Diện tích 323m² (17,5 × 19)m. Tọa độ: X -880,6 → -899,8; Y 1392,7 → 1412,7. Hố nằm ở đông bắc khu khai quật, tiếp giáp phía bắc H01; cách khu Gò Giồng Cát A 10m về phía đông, cách ruộng lúa 39m về phía tây và kiến trúc K 40m về đông bắc.



Hình 1. Sơ đồ vị trí hố khai quật khu vực Gò Giồng Cát
(Nguồn: Viện Khảo cổ học)

Bảng 1. Hố khai quật khu vực Gò Giồng Cát

Stt	Hố khai quật	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Cao độ	Vị trí
1	H01	OE.18.GGC.B.H01	304	1,822m	Phía đông của Gò Giồng Cát B
2	H02	OE.18.GGC.B.H02	40	1,840m	Phía tây nam Gò Giồng Cát B
3	H03	OE.18.GGC.B.H03	15	1,680m	Phía đông của Gò Giồng Cát B
4	H04	OE.18.GGC.B.H04	323	1,744m	Phía đông bắc của Gò Giồng Cát B

2. Lịch sử nghiên cứu

Dấu vết của một nền văn hóa cổ ở vùng đất phía Nam đã được ghi nhận từ đầu thế kỷ XIX trong *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, với đề cập đến phế tích Gò Cây Mai (Phạm Hoàng Quân 2019). Từ nửa sau thế kỷ XIX, các học giả phương Tây, đặc biệt là người Pháp, đã khảo sát rộng rãi, phát hiện nhiều vết tích khảo cổ như bi ký, di tích và di vật - những bằng chứng cho thấy sự tồn tại của một nền văn minh cổ tại khu vực này vào thời Sơ sử.

Đầu thế kỷ XX, các học giả như Étienne Lunet de Lajonquière (1901, 1911), Jean Bouchot (1928)... đã công bố nhiều phát hiện về kiến trúc, điêu khắc, minh văn tại Nam Bộ (Étienne Lunet de Lajonquière 1901- 1911, Jean Bouchot 1928). Từ 1937 đến 1944, Louis Malleret cùng cộng sự có đóng góp quan trọng, đặc biệt qua khai quật tại khu vực Óc Eo - Ba Thê năm 1944. Ông đặt tên cho nền văn hóa cổ này là Văn hóa Óc Eo và công bố kết quả nghiên cứu trong *Khảo cổ học Đồng bằng châu thổ sông Cửu Long* (Louis Malleret 1959 - 1963). Dù còn hạn chế, đây vẫn là công trình nền tảng cho việc nhận diện và nghiên cứu văn hóa Óc Eo.

Khu di tích Óc Eo - Ba Thê được xem là trung tâm của Văn hóa Óc Eo với đô thị cảng Óc Eo rộng khoảng 450ha và hệ thống di tích kiến trúc phân bố dày đặc ở sườn và chân núi Ba Thê.

Từ tháng 2 đến tháng 4 năm 1944, Malleret và cộng sự khai quật 12 địa điểm tại cánh đồng Óc Eo, bao gồm Gò Giồng Cát. Tại đây, một kiến trúc gạch - gọi là kiến trúc K - được phát lộ, cùng nhiều mảnh đá chạm nổi, tảng đá có mộng... Kiến trúc K có mặt bằng hình chữ nhật, hướng Bắc - Nam (lệch Đông 23⁰), với hai kiến trúc phụ K1 và K2 ở hai đầu, đều bị đá phủ lấp (Malleret 1959: 377). K được mô tả là phế tích rộng 2,4m, tường dày 0,85 - 1m, có cấu trúc phức tạp gồm các tường dọc, ngang và xiên tạo thành các khoang (Malleret 1959: 378-379).

Đầu thập niên 1980, gò còn cao 5m, rộng (50 × 45)m. Dựa vào tư liệu Malleret, nhóm kiến trúc K, K1, K2 được chọn làm điểm khai quật. Tuy nhiên, hoạt động đào trộm cuối năm 1982 đã phá hủy nặng nề di tích: tường gạch bị xóa sạch, móng đá bị đào bới, chỉ còn các tảng đá rải rác. Dù vậy, di tích vẫn có giá trị nghiên cứu nền móng.

Về niên đại, kiểu thức kiến trúc K tương đồng với các đền tháp ở Nachua, Đông Nam Jaso (Ấn Độ), thời kỳ đầu Gupta (thế kỷ IV-V), với ba mặt thánh đường, một phòng trên, phía trước có mandapa lợp đá. Hình ảnh cấu trúc tương tự cũng xuất hiện trong phù điêu đất nung về một đền lớn ở Bodh Gaya (thế kỷ III), tìm thấy ở Kumrahar, Patna (Malleret 1959: 391-392). Ông ước đoán kiến trúc K có niên đại thế kỷ V-VII, có thể muộn hơn sự sụp đổ của đô thị Óc Eo.

Giữa thập niên 1980, tại Gò Giồng Cát còn phát hiện một “kiến trúc dạng giếng tròn” xây bằng gạch, đường kính hơn 5m, cao ít nhất 21 lớp, phần dưới kê đá, trung tâm có hộc gỗ vuông lớn. Ngoài ra, phía tây nam kiến trúc K (cách 10m) còn có dấu vết tường gạch chạy hướng Bắc - Nam, một số đoạn xây trên nền đá hoa cương.

Từ kết quả khảo sát, các nhà nghiên cứu đều nhận định Gò Giồng Cát là một phần quan trọng trong tổng thể cấu thành nên đô thị cổ Óc Eo với nhiều loại hình di tích thuộc nhiều giai đoạn phát triển của văn hóa Óc Eo từ sớm đến muộn, trong đó niên đại sớm có thể vào khoảng đầu Công nguyên.

3. Kết quả khai quật

3.1. Địa tầng

Địa tầng khu di tích Gò Giồng Cát khá ổn định hầu như đều được thống nhất trong tất cả các hố khai quật gồm có hai tầng văn hóa TV01 và TV02 (Hình 2).

- *Lớp sinh thổ (St)*: Là lớp dưới cùng của địa tầng, đất sét màu vàng, dẻo khi ướt và đánh chắc khi khô. Trong lớp đất này không phát hiện hiện vật, tuy nhiên có dấu vết hố chân cột xuất hiện ở tầng đất 01 (TV01), ăn sâu xuống lớp sinh thổ.

- *Lớp đất 01 (LV01)*: Nằm ngay phía trên lớp sinh thổ, có độ dày từ 10 - 20cm. Lớp đất có màu xám đen, đất dẻo và dính, trong lớp đất này hiện vật xuất hiện nhiều và rất ổn định, chủ yếu gồm có hai loại gốm chính. Gốm mịn có lớp áo màu cam và loại gốm mịn màu đen của các loại hình nôi, nắp đậy bát và cốc (ly) có phần chân đế thấp và rộng, trong lớp đất này cũng xuất hiện những mảnh gạch thẻ có kích thước nhỏ. Đây chính là lớp xuất hiện các dấu tích hố chân cột được đào ăn sâu xuống sinh thổ.



Hình 2. Địa tầng hố khai quật khu di tích Gò Giồng Cát

(Nguồn: Tác giả)

Lớp này khá thống nhất trên toàn bộ địa tầng của các di tích tại Ốc Eo như Gò Giồng Cát A, Gò Giồng Trôm, Gò Cây Thi, Gò Ốc Eo...

- *Lớp đất 02 (LV02)*: Nằm ngay phía trên lớp 01, dày từ 20 - 60cm. Dựa vào màu sắc và kết cấu đất chia ra thành các lớp đất nhỏ như sau:

+ *Lớp đất 02a (LV02a)*: Lớp đất dày từ 15 - 20cm kết cấu đất cứng có nhiều cát sỏi nhỏ, đất màu nâu xám xen kẽ những khoảng đất màu vàng xanh. Trong lớp đất này có xuất hiện nhiều mảnh hiện vật chủ yếu của loại hình đồ đựng bát, nôi, chén...

+ *Lớp đất 02b (LV02b)*: Dày từ 20 - 60cm. Lớp đất có màu nâu xám đất xốp và dễ thấm nước giống lớp đất trên bề mặt của di tích. Hiện vật xuất hiện nhiều nhưng không còn ổn định như các lớp dưới. Hiện vật gồm có đồ gốm gia dụng như nôi, nắp đậy, chén, bát, cà ràng, gốm vật liệu kiến trúc như gạch, đồ đá, đồ trang sức bằng đá và bằng thủy tinh...

Lớp mặt (Lm): Nằm ở phía trên cùng, màu nâu. Đây là lớp đất bị xáo trộn mạnh do quá trình canh tác làm vườn trồng cây ăn trái của người dân. Di vật trong lớp này xuất hiện nhiều chủ yếu là những mảnh vỡ của đồ gốm gia dụng, gốm vật liệu kiến trúc, đồ đá, đồ trang sức...

3.2. Di vật gốm trong di tích Gò Giồng Cát

Nhìn một cách tổng quan, đồ gốm đất nung thu được trong cuộc khai quật Gò Giồng Cát B có số lượng rất lớn. Tổng số có 332.293 mảnh gốm bao gồm cả chất liệu gốm thô và chất liệu gốm mịn với

các loại hình chủ yếu như bình gốm có vòi (Kendi), chân đế, cà ràng, nắp đậy... Chúng tôi phân loại đồ gốm đất nung ở khu Gò Giồng Cát B như sau.

3.2.1. Chất liệu

Quan sát thành phần tạo xương gốm (đặc điểm cấu trúc thành phần chất liệu, kỹ thuật xử lý và độ thuần nhất của chất liệu), chúng tôi chia các mảnh gốm thu được thành hai nhóm: Gốm thô và gốm mịn.

3.2.1.1. Gốm thô

227.096 mảnh. Có thành phần sét trộn lẫn cát, bã thực vật, vỏ trấu, tương ứng với mỗi loại vật dụng khác nhau và có những đặc điểm riêng cho mỗi giai đoạn khác nhau. Theo đó có thể phân gốm thô thành 3 loại sau:

- Loại 1: Có số lượng 80.467 mảnh. Quan sát thấy thành phần có sét trộn nhiều cát hạt mịn lẫn bã thực vật được xử lý rất kỹ, xương gốm mịn màu xám đen hay xám nâu đều và cứng chắc (dày 0,5-1,5cm). Áo gốm màu xám đen, xám trắng đục, bề mặt gốm thường được xoa/miết láng tạo độ bóng nhưng có nhiều lỗ li ti do phần thực vật pha vào cháy trong quá trình nung. Loại chất liệu này xuất hiện phổ biến trong lớp khai quật phía dưới, trong hố khai quật H2 thì chất liệu này thường được xuất hiện ở trong lớp đất có màu xám đen ngay phía trên lớp sinh thổ. Ngoài ra chất liệu này còn thấy trong lớp văn hóa sớm của di tích Gò Ốc Eo, Gò Cây Thị, Gò Tư Trâm. Loại gốm này rất nổi bật với loại vỏ hình cầu có kích thước lớn (đường kính vai > 60cm), miệng có dáng loe xiên hoặc xiên khum, vành miệng vê tròn.

- Loại 2: Có 134.055 mảnh. Gốm thô cát (sét trộn nhiều cát hạt thô, lẫn ít bã thực vật, thạch anh và vỏ nhuyễn thể), với cát hạt lớn nhỏ khác nhau nên xương có màu xám hoặc nâu xám, mặt ngoài nổi những hạt cát cảm khá thô tay. Dòng gốm này đôi khi có pha lẫn thêm tro thực vật nên gốm có màu nâu xám, xương xám có nhiều mảnh rất to và dày. Độ nung khá cao, xương gốm cứng chắc. Loại chất liệu này cũng được phát hiện chủ yếu trong lớp văn hóa 01, đa phần dùng làm loại đồ đựng cỡ lớn có vành miệng thấp và đắp dày, xương gốm dày (0,5-0,8cm đến hơn 1,2cm), cà ràng. Tại hố khai quật H03, loại hình này chỉ xuất hiện trong các lớp khai quật L11, L12, L13 trong hố đất đen ngay sát sinh thổ.

- Loại 3: Có 12.574 mảnh. Gốm cát mịn (có thành phần sét trộn nhiều cát hạt mịn và một lượng nhất định bã thực vật, xương gốm mỏng và đều, màu xám đen và nâu nhạt). Được sử dụng làm các loại đồ đựng có kích thước vừa và nhỏ. Trong thực tế, nhiều trường hợp khó phân biệt chất liệu loại 3 với gốm loại 2. So với gốm loại 1 thì gốm loại 3 có xương đen, thô và bờ hơn, mặt ngoài không có màu, miết láng như gốm loại 1; so với gốm loại 2 thì gốm loại 3 mỏng, mịn hơn. Loại chất liệu này xuất hiện rất nhiều trong lớp văn hóa sớm tại các di tích thuộc giai đoạn Ốc Eo sớm ở Ốc Eo-Ba Thê.

3.2.1.2. Gốm mịn

Có số lượng cũng rất lớn 73.220 mảnh. Có nguyên liệu được gạn lọc kỹ, xương gốm mịn và đều, cứng chắc. Gốm mịn xuất hiện rất nhiều trong lớp văn hóa sớm ở các di tích thuộc giai đoạn Ốc Eo sớm tại Ốc Eo-Ba Thê. Có thể phân thành hai loại sau:

+ Loại 1: Có số lượng 3.488 mảnh. Gốm mịn đen (gốm có bã thực vật song được xử lý nghiền rất nhuyễn, mịn). Xương có màu xám đen, bề mặt ngoài có phủ lớp áo dày màu xám trắng đục, trong lòng đáy bát bồng, vành miệng bình/vò... lòng miệng (bình/vò) và lòng đáy đĩa/bát có lớp áo mỏng màu đen bóng. Loại gốm này rất phổ biến trong các di tích tiền Óc Eo ở Nam Bộ (Gò Ô Chùa, Gò Hàng, Gò Dung, Gò Để, Giồng Cá Vồ, Giồng Lớn, Phú Chánh...).

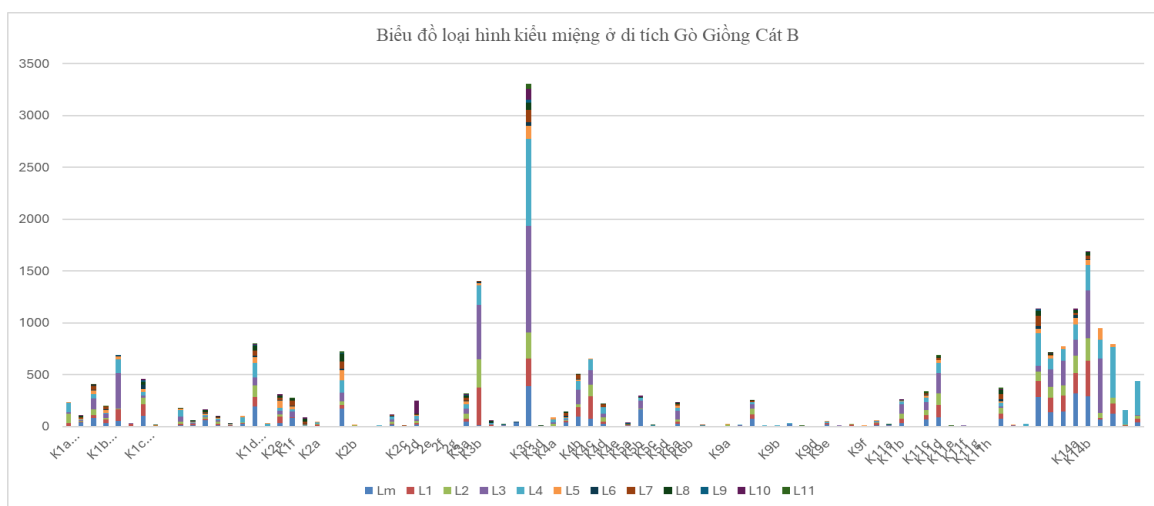
Gốm chất liệu loại 1 được sử dụng làm các loại bình, vò có miệng loe xiên khum có gờ nổi trên vành mép, bát bồng chân cao trang trí văn khắc vạch hoa văn đồ án khuông nhạc... có áo dày màu xám trắng đục hoặc áo mỏng màu đen bóng. Các loại đồ đựng này tiếp tục xuất hiện trong giai đoạn Óc Eo sớm song có một số điểm thay đổi ở kiểu vành miệng, xuất hiện loại chén nhỏ có miệng bẻ lật. Riêng loại hình bát bồng chân cao thì hoàn toàn vắng bóng.

+ Loại 2: Có số lượng 69.732 mảnh. Gốm mịn có lớp áo màu cam (gốm có thành phần sét mịn được lọc rất kỹ). Xương gốm có màu vàng nhạt hay nâu vàng, bề mặt áo gốm thường có tô lớp màu rất mịn, lóng màu vàng cam hay nâu đỏ, được dùng làm các loại hình bình, bình có vôi, ly chân cao, nắp đậy hình đĩa có vành móc - núm cầm... với chất lượng và tính thẩm mỹ rất cao. Vì vậy, gốm loại này được xếp vào dòng gốm cao cấp. Loại gốm này chỉ xuất hiện trong lớp văn hóa sớm di tích Văn hóa Óc Eo.

Về loại hình, đồ gốm làm bằng chất liệu gốm mịn loại 2 vẫn tiếp tục phổ biến các loại đồ đựng bình, vò, bình có vôi, ly chân cao hay nắp đậy có vành móc, song có một số thay đổi kiểu dáng vành miệng, đế, hoa văn trang trí trên loại bình hình cầu, tô sâu lòng đáy tròn, ly chân cao... Đồng thời xuất hiện thêm loại bình vai gầy, nắp hình đĩa có vành móc nhỏ, nắp hình đĩa kích thước nhỏ có núm cầm...

3.2.2. Loại hình miệng gốm

Loại hình miệng gốm số lượng khoảng 23.220 mảnh. Trên cơ sở hình dáng, miệng gốm phân thành các loại/kiểu khác nhau (Hình 3, 4).



Hình 3. Biểu đồ loại hình kiểu miệng ở di tích Gò Giồng Cát B (Nguồn: Tác giả)

Miệng loại 1: Loại hình miệng loe. Đây là loại hình miệng gốm không tạo cổ. Đặc điểm cơ bản của loại hình này là thành miệng trong phẳng xiên vát từ vành miệng dưới lên vành miệng trên,

bề gấp ra vành miệng ngoài, vành miệng ngoài thường được vuốt nhọn hoặc vê cong tròn. Đối với kiểu này, thành miệng trong thường được tạo các đường chỉ chìm chạy xung quanh thành miệng. Dựa vào đặc điểm riêng, miệng loại này được chia thành các kiểu từ 1a đến 1f.

Miệng loại 2: Loại hình miệng khum. Loại miệng này chỉ xuất hiện ở chất liệu gốm thô loại 3, cũng là loại hình miệng loe không tạo cổ vành miệng và thân không phân biệt. Đường kính miệng nhỏ, thân cong tròn xuôi từ vai xuống đáy, thân phình rộng. Xương gốm rất mỏng 0,15cm đến 0,3cm thường có màu nâu. Dựa vào đặc điểm riêng, miệng loại này được chia thành các kiểu từ 2a đến 2f.

Miệng loại 3: Loại hình miệng loe xiên ngang. Loại miệng này chỉ xuất hiện ở chất liệu gốm thô loại 2, mép miệng được tạo cong tròn, vành miệng trong thẳng hoặc hơi lõm cong tạo gờ gãy góc ở cổ phía trong, cổ thắt hẹp vai xuôi dài và phình rộng tạo gờ gãy góc với thân ở phần vai. Chất liệu xương gốm không thống nhất, phổ biến là chất liệu gốm thô loại 2 và chất liệu gốm thô loại 3 có lớp áo bên ngoài màu nâu hoặc màu xám trắng. Dựa vào đặc điểm riêng, miệng loại này được chia thành các kiểu từ 3a đến 3c.

Miệng loại 4: Loại hình miệng loe xiên thành vành miệng trong hơi cong lõm tạo gờ gãy góc ở cổ phía trong. Mặt cắt ngang của vành miệng có dạng hình chữ nhật, cong xuôi xuống vai. Chất liệu xương gốm thô (loại 2) có màu xám hoặc xám đen, lớp áo bên ngoài màu nâu, xám trắng hoặc xám đen. Dựa vào đặc điểm riêng, miệng loại này được chia thành các kiểu từ 4a đến 4e.

Miệng loại 5: Loại hình miệng loe tạo cổ miệng. Loại miệng này có số lượng ít đặc điểm chung của loại miệng này là được tạo thêm phần cổ cao, thành vành miệng trong cong lõm tạo gờ gãy góc ở cổ phía trong. Phần cổ cong xuôi xuống vai, vai nở rộng tạo gờ sắc cạnh giữa cổ và vai. Xương gốm mỏng 0,2cm đến 0,5cm, có màu xám đen, pha nhiều cát. Dựa vào đặc điểm riêng, miệng loại này được chia thành các kiểu từ 5a đến 5c.

Miệng loại 6: Có số lượng rất ít, miệng cổ ngắn, thành miệng đứng. Thành ngoài vành miệng tạo gờ nổi vát lên mép miệng tạo mặt cắt ngang của miệng có dạng hình tam giác. Vai rất nở, thân phình rộng, trên vai có trang trí 2 đường đắp nổi xung quanh vai xương gốm pha nhiều cát chất liệu gốm thô (chất liệu loại 2) có màu xám đen. Lớp áo bên trong và bên ngoài có màu xám trắng. Dựa vào đặc điểm riêng, miệng loại này được chia thành các kiểu từ 6a đến 6b.

Miệng loại 7: Loại hình miệng khum cong, cổ cao thắt, trên vành miệng ngoài nhiều tiêu bản tạo những gờ nổi cao chạy xung quanh vành miệng. Trên cổ đoạn gần mép miệng gấp tạo gờ rộng gần giống con tiện, thân bình nhiều khả năng có thể giống thân miệng loại 11 với vai tròn nở rộng rồi thuôn dần về đáy, chân đế rất thấp, loe choãi. Xương gốm làm bằng gốm thô chất liệu loại 2 có màu xám hoặc xám trắng.

Miệng loại 8: Loại hình miệng đứng, ngắn, mép ngoài vuốt tạo gờ, vai nở rộng, trên vai được phủ văn thừng mịn ở dạng chéo xung quanh thân. Miệng được làm bằng gốm mịn chất liệu loại 1, lớp áo bên trong và bên ngoài có màu hồng nhạt.

Miệng loại 9: Có số lượng rất ít, cổ cao hình trụ, vành miệng loe nhẹ, trên mặt vành miệng trong có trang trí các đường chỉ chìm xung quanh vành miệng, vai xuôi nở rộng. Chất liệu được làm bằng gốm thô chất liệu loại 2 màu xám nhạt, áo ngoài màu xám, cứng chắc. Dựa vào đặc điểm riêng, miệng loại này được chia thành các kiểu từ 9a đến 9f.

Miệng loại 10: Loại miệng loe gãy, cổ thắt, mép vành miệng cắt phẳng hoặc lõm nhẹ, vai xuôi và phình rộng gần đáy. Xương gốm mịn, làm bằng gốm mịn chất liệu loại 2, lớp áo bên trong và bên ngoài có màu cam.

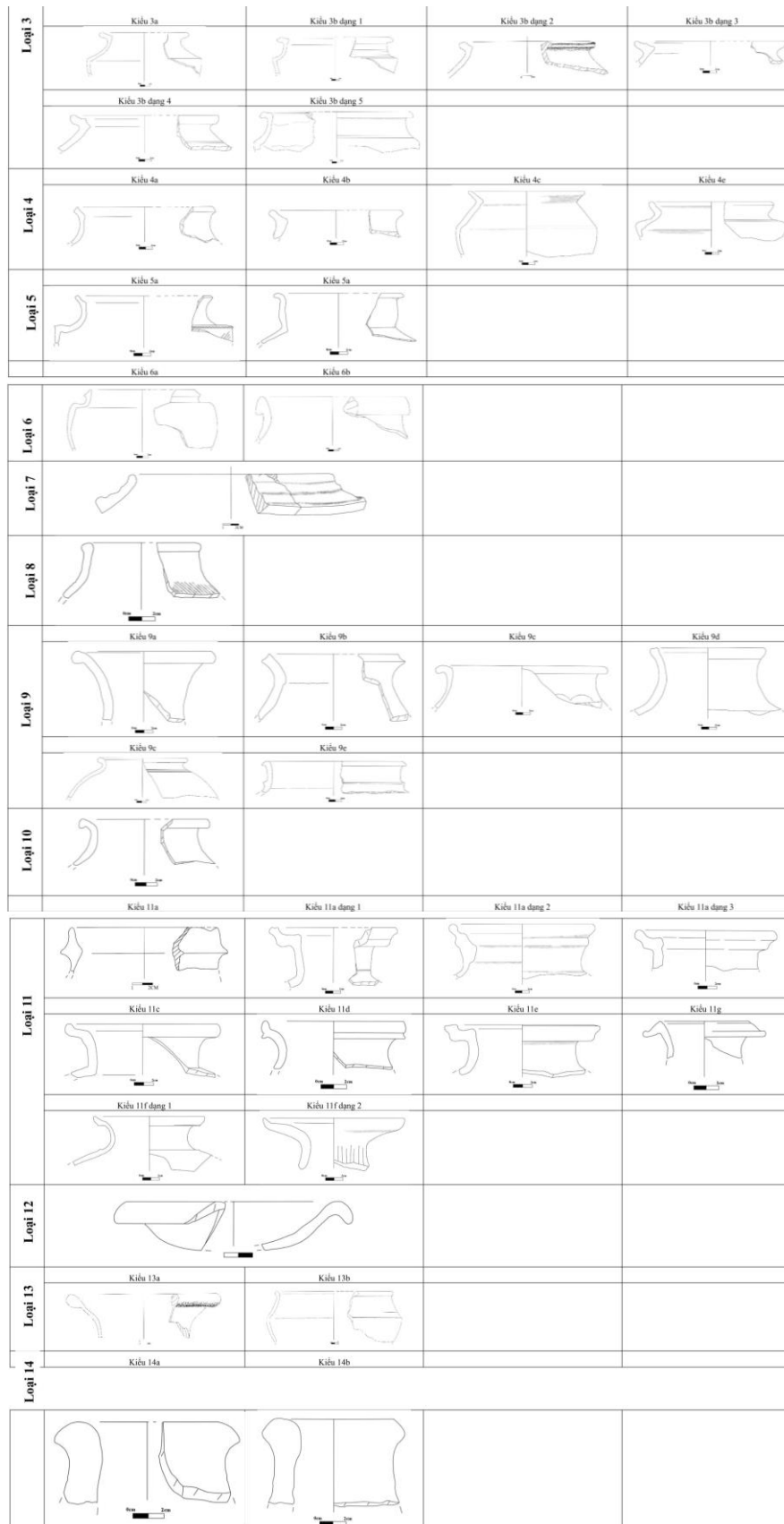
Miệng loại 11: Loại miệng cổ cao thắt, vành miệng thẳng, mép miệng được tạo vê tròn hoặc vát. Trên cổ đoạn sát vành miệng ngoài tạo gờ rộng gần giống con tiện. Cổ cong xuôi dần xuống vai, vai tròn nở rộng rồi thuôn dần về đáy. Xương gốm thường làm bằng gốm thô (chất liệu loại 2) có màu xám hoặc nâu đỏ, lớp áo bên ngoài màu xám trắng hoặc nâu đỏ, đánh chắt. Dựa vào cấu tạo vành miệng chia làm 8 kiểu, từ 11a đến 11h.

Miệng loại 12: Loại miệng loe cong gập, thành trong và thành ngoài vành miệng đều được tạo cong, vuốt mép miệng nhỏ, có một số tiêu bản mép miệng được vê tròn. Về cơ bản loại hình này chủ yếu được làm bằng chất liệu gốm mịn (chất liệu loại 1), xương gốm có màu vàng nhạt hoặc màu hồng nhạt, lớp áo bên ngoài màu cam. Bên cạnh đó cũng có những tiêu bản được làm bằng chất liệu gốm thô (chất liệu loại 3), xương gốm và lớp áo bên ngoài có màu nâu đỏ.

Miệng loại 13: Loại miệng loe cong, vành miệng dày. Đây là kiểu miệng được tạo bằng cách bẻ cong gập vành miệng áp sát vào vai tạo thành dạng tròn dẹt ở thành miệng ngoài. Về xương gốm, được làm bằng chất liệu thô (chất liệu loại 3). Dựa vào đặc điểm riêng, miệng loại này được chia thành các kiểu từ 13a đến 13b.

Miệng loại 14: Loại hình miệng loe, cổ cao, vành miệng dày có dáng cơ bản hình trụ, cổ thắt và thuôn thẳng đều xuống vai. Mép miệng vê tròn và bề loe cong nhẹ (đường kính miệng phổ biến 10-12cm). Phần thân hình ống, thường có vân thừng hay những vết thừng đập song song. Chất liệu làm bằng chất liệu gốm thô loại 1, loại 2 và loại 3, xương gốm thô, màu xám đen, áo màu nâu hồng sậm. Dựa vào đặc điểm riêng, miệng loại này được chia thành các kiểu từ 14a đến 14b.

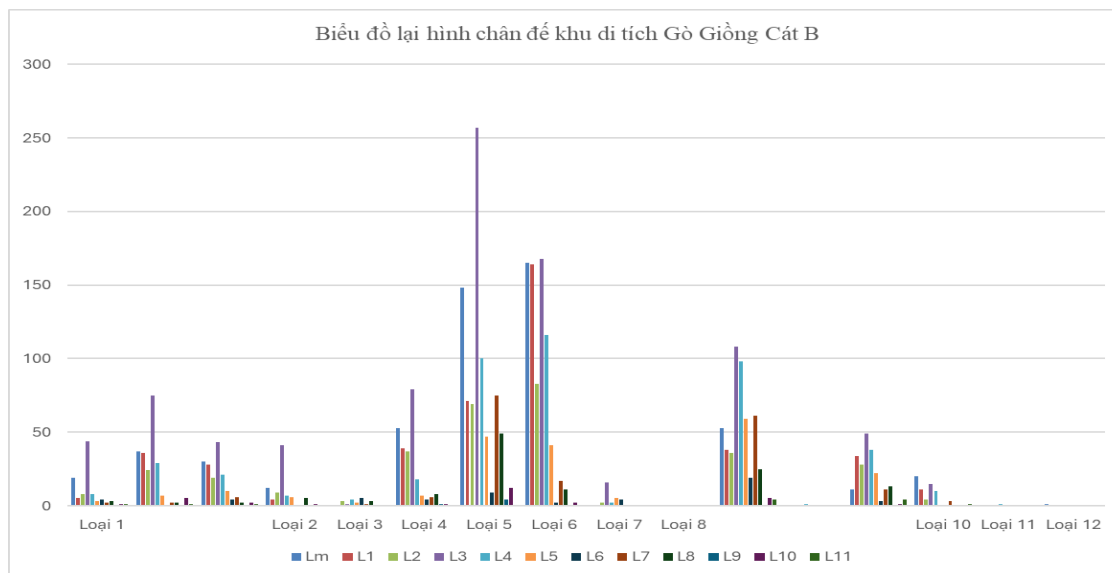
Loại 1	Kiểu 1a dạng 1	Kiểu 1a dạng 2	Kiểu 1b dạng 1	Kiểu 1b dạng 2
	Kiểu 1c dạng 1	Kiểu 1c dạng 2	Kiểu 1c dạng 3	Kiểu 1c dạng 3
	Kiểu 1e dạng 5	Kiểu 1e dạng 6	Kiểu 1e dạng 7	
	Kiểu 1d dạng 1	Kiểu 1d dạng 2		
Loại 2	Kiểu 2a	Kiểu 2b	Kiểu 2c	Kiểu 2d
	Kiểu 2e	Kiểu 2g	Kiểu 2f	



Hình 4. Phân loại hệ thống miệng khu di tích Gò Giồng Cát (Nguồn: Viện Khảo cổ học)

3.2.3. Loại hình chân đế

Có số lượng 3.265 mảnh, bao gồm có cả chất liệu thô và mịn. Dựa vào cấu tạo chân đế như dáng chân đế, thành chân đế, vành chân đế và mặt tiếp xúc của chân đế, được chia thành một số loại chính sau (Hình 5, 6).



Hình 5. Biểu đồ loại hình kiểu chân đế ở di tích Gò Giồng Cát B (Nguồn: Tác giả)

Chân đế loại 1: Loại hình chân đế dáng loe choãi, eo đế rộng, cơ bản loại hình này chân đế được làm bằng gốm thô, pha rất nhiều cát (chất liệu loại 2). Đường kính đế phổ biến trong khoảng 16 - 22cm, tỷ lệ chiều cao khoảng 2/3 hoặc gần tương đương với đường kính đế. Dựa vào đặc điểm riêng biệt, loại chân đế này được thành các kiểu từ 1a đến 1c.

Chân đế loại 2: Có số lượng ít, loại chân đế loe choãi, dáng cao 2,4 - 2,6cm, dày 0,8 - 0,9cm, thành ngoài và thành trong của chân đế được cắt vát xiên, vành chân đế được vuốt nhỏ, tạo điểm tiếp xúc của chân đế rất nhỏ ở vành chân đế. Xương gốm mịn (gốm mịn loại 2) có màu nâu xám hoặc nâu đỏ. Chân đế loại này có thể đi cùng với nhóm kiểu miệng có phần vai xuôi vai gầy được làm bằng chất liệu gốm mịn.

Chân đế loại 3: Có số lượng ít, loại chân đế thấp, dáng vát xiên, thành ngoài chân đế cắt vát, thành trong chân đế cắt vát từ mép chân đế vào trong lòng chân đế, mặt cắt ngang có dạng hình chữ V lệch, tạo điểm tiếp xúc ở vành ngoài chân đế. Xương gốm màu xám đen, nâu xám hoặc nâu pha nhiều cát, rất đanh chắc (gốm thô loại 2). Một số tiêu bản loại này phần thành ngoài thân có phủ văn thừng. Tùy thuộc vào kích thước của loại hình đồ đựng mà chân đế loại này cũng có kích thước to nhỏ khác nhau. Kiểu chân đế này có thể đi cùng với miệng có chất liệu xương gốm thô loại 2.

Chân đế loại 4: Loại chân đế có dáng choãi, đường kính lớn, chiều cao đế thấp từ 2,5-2,7cm, độ dày chân đế từ 1,5-1,8cm. Thành ngoài và thành trong chân đế được cắt hơi vát. Vành ngoài chân đế được cắt cong vào vành trong của chân đế. Do đó có cảm giác chân đế hơi khum vào trong. Xương gốm có màu xám đen, pha nhiều cát (gốm thô loại 2). Lớp áo bên ngoài màu nâu xám, hoặc xám. Một số tiêu bản ở mặt chân đế có phủ văn thừng chéo. Các mẫu chân đế này đi cùng với các loại miệng có chất liệu xương gốm thô pha cát (gốm thô chất liệu loại 2).

Chân đế loại 5: Loại chân đế có dáng thẳng khá thanh mảnh. Độ cao chân đế không lớn trung bình từ 1,5-2cm, dày từ 0,4-0,7cm, dáng chân đế loe khum. Vành ngoài chân đế tạo bo tròn từ mép ngoài chân đế vào mép trong chân đế, tạo điểm tiếp xúc ở mép trong của chân đế. Xương gốm màu xám, mịn, lớp áo bên ngoài màu cam (gốm mịn loại 2), trong lòng chân đế phủ văn thừng. Kiểu chân đế này có thể đi cùng với nhóm miệng loại 1 hoặc 11.

Chân đế loại 6: Loại chân đế có dáng gần giống với chân đế loại 1, thành ngoài và thành chân đế loe choãi, vành ngoài chân đế tạo cong đều, tạo điểm tiếp xúc ở thành trong của chân đế. Loại hình này được làm bằng chất liệu gốm mịn (chất liệu loại 2), có thể chúng đi cùng nhóm miệng loại 1 hoặc 12.

Chân đế loại 7: Loại chân đế thấp, mặt tiếp xúc của chân đế được cắt bằng, làm bằng chất liệu gốm mịn (loại 1, loại 2), xương màu xám đen, lớp áo bên ngoài màu hồng nhạt. Có thể loại chân đế này đi cùng với nhóm miệng loại 1 và loại 12.

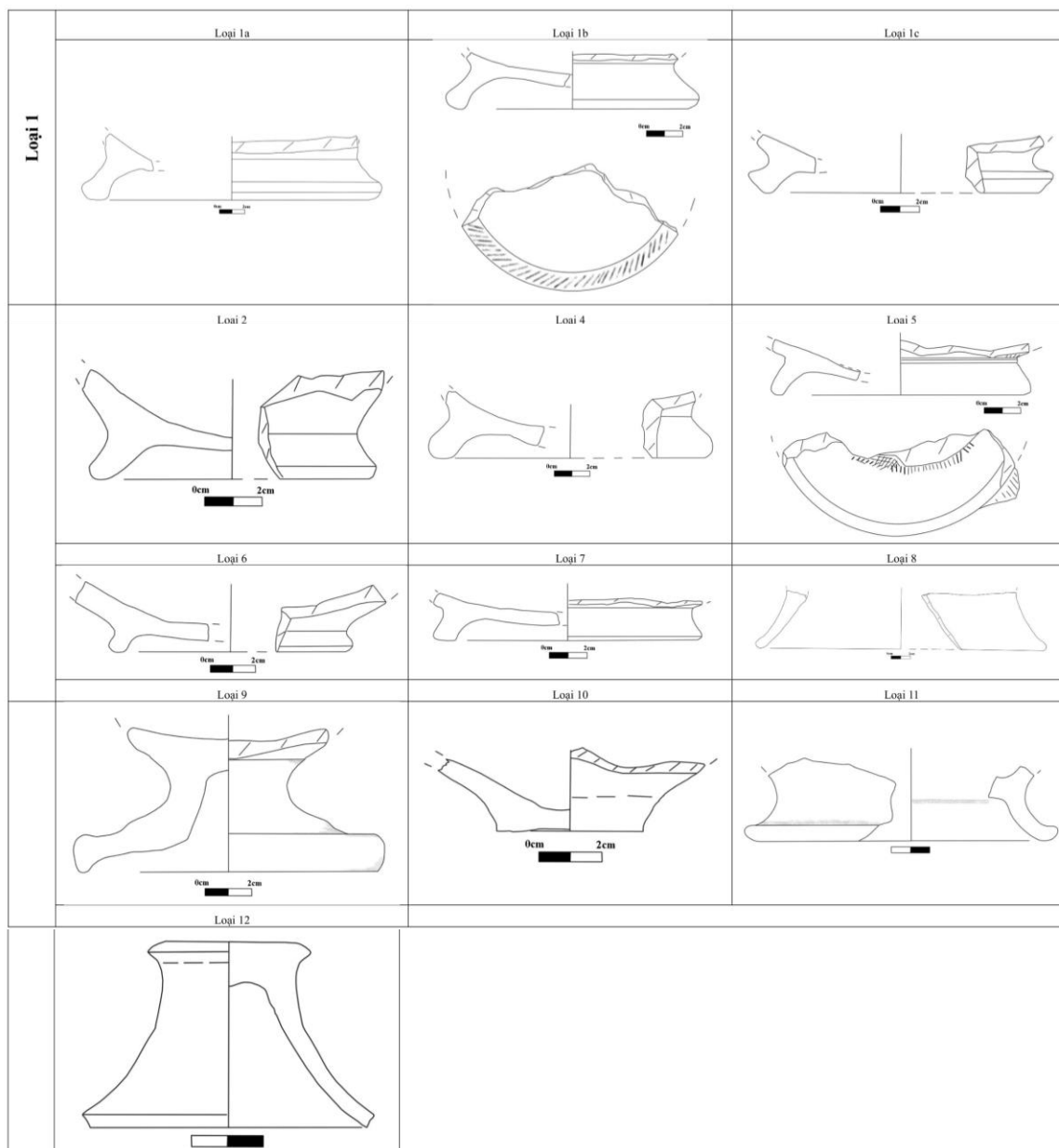
Chân đế loại 8: Loại chân đế cao loe choãi, cao khoảng 6cm, dày vành chân đế 0,7cm, vành chân đế được tạo vè cong tròn. Chân đế được làm bằng gốm thô pha thực vật và cát mịn (loại 1), xương gốm bên trong màu xám. Lớp áo bên ngoài màu vàng nhạt, phần chân đế sát thân có phủ lớp áo màu cam.

Chân đế loại 9: Loại chân đế rộng cao loe choãi, cao khoảng 5cm, vành chân đế được tạo vè cong tròn đơn giản. Thành ngoài chân đế được tạo gờ nổi xung quanh hoặc vuốt cong dần xuống mép chân, tạo điểm tiếp xúc của mép chân đế nhỏ, tạo vành chân đế rộng, đáy chân đế cong lõm tạo lỗ tròn giữa chính chân đế. Nhưng cũng có tiêu bản không tạo mép chân đế tại điểm tiếp xúc. Hầu hết chân đế loại này được làm bằng gốm mịn (chất liệu loại 2), xương gốm bên trong màu xám, lớp áo bên ngoài màu vàng nhạt, phần chân đế sát thân có phủ lớp áo màu cam. Nhưng cũng có những tiêu bản được làm bằng chất liệu gốm thô (chất liệu loại 3).

Chân đế loại 10: Loại chân đế được cắt bằng và thường để lại dấu vết cắt ở mặt tiếp xúc chân đế. Loại chân đế này có kích thước không cố định, có kích thước to nhỏ khác nhau phụ thuộc vào hình dáng của hiện vật, thường được làm bằng chất liệu loại 2 có xương gốm màu xám lớp áo bên ngoài màu vàng nhạt hoặc màu hồng nhạt có pha cát nhỏ mịn. Nhưng bên cạnh đó cũng có những hiện vật được làm bằng gốm mịn (chất liệu loại 2), loại này thường có xương gốm rất mỏng, có lớp áo màu nâu sẫm hoặc nâu đỏ, thành ngoài thân gốm trang trí văn thừng hoặc chải.

Chân đế loại 11: Loại hình chân đế cao loe choãi, tạo điểm tiếp xúc của chân đế cong nhỏ, vành chân đế được tạo cong gần như loại miệng gốm loe cong. Kích thước chân đế: cao 3,5cm, dày 1,7cm. Chân đế được làm bằng gốm mịn (chất liệu loại 2), xương gốm màu xám đen, lớp áo bên ngoài màu hồng nhạt.

Chân đế loại 12: Có 01 mảnh, loại chân đế cao, thành chân đế loe choãi, mặt tiếp xúc của chân đế được cắt vát từ vành miệng ngoài vào vành miệng trong, tạo điểm tiếp xúc của chân đế ở mép miệng trong. Gốm được làm bằng chất liệu gốm thô (chất liệu loại 3), xương gốm và lớp áo bên ngoài màu vàng nhạt. Kích thước chân đế: cao 5,5cm; dày 0,2cm; đường kính 8cm.



Hình 6. Hệ thống chân đế khu di tích Gò Giồng Cát (Nguồn: Viện Khảo cổ học)

3.2.4. Loại hình dòng gốm

a. Bát/tô: Bát loe xiên thẳng, vành miệng loe xiên thẳng hoặc hơi khum vào. Loại bát này rất phổ biến trong các di tích văn hóa Óc Eo, các lớp khác nhau thì diễn biến của vành miệng cũng có sự thay đổi khác nhau.

- + Bát/tô loại 1 tương ứng với miệng K1a và K1b;
- + Bát/tô loại 2 tương ứng với miệng K1c;
- + Bát/tô loại 3 tương ứng với miệng K1d;
- + Bát/tô loại 4 tương ứng với miệng K1e.

b. Bình: Loại đồ đựng thường có chân đế, phần thân trên có nhiều kiểu dáng rất giống nôi, đây là nhóm đồ đựng được trang trí cầu kỳ và khá phổ biến trong các địa điểm với nhiều kiểu dáng khác nhau. Bình miệng đứng, vành miệng rất ngắn, thân hình cầu phình rộng ở giữa, chân đế cao. Với những đặc điểm riêng như vậy có thể thấy loại hình bình có một số kiểu sau:

Bình loại 1: Bình đứng, vành miệng được bẻ gấp dạng tròn dẹt ở vành miệng ngoài hoặc vành miệng trong. Bình loại này có miệng tương ứng với kiểu miệng K2a đến K2d, chân đế kiểu 1d

Bình loại 2: Bình miệng đứng, vành miệng rất ngắn từ vành miệng cong xuôi xuống thân. Bình loại này có miệng tương ứng với kiểu miệng K3a, K3b, K3c xuất hiện ở các đào 06 đến lớp 08 trong lớp văn hóa 01, kiểu chân đế loại 4.

Bình loại 3: Đây là loại bình cổ cao, thắt, miệng loe gãy ngang, bản miệng hẹp, vai rất nở. Loại này tương ứng với loại miệng K4a, kiểu chân đế 3a.

Bình loại 4: Cổ cao và thắt, miệng loe ưỡn, mép miệng thường được vuốt đứng tạo rãnh lõm nhẹ, rìa mép dưới cong hoặc tạo gờ nhỏ, sắc cạnh, đôi khi tạo gờ rất dài. Bình có vai nở rộng hoặc vai xuôi, thân nở rồi thuôn dần về đáy. Thành gốm dày không đều: rất mỏng ở cổ, dày ở vai và gần đáy. Bình loại này có miệng tương ứng với kiểu miệng K8a, kiểu chân đế 3a.

Bình loại 5: Cổ cao và thắt, miệng loe ưỡn, mép miệng cắt phẳng, thành miệng dày khá đều, vai rất xuôi và nở rộng ở gần hông. Bình loại này có miệng tương ứng với kiểu miệng K8d.

Bình loại 6: Miệng loe xiên, vành miệng trong loe xiên thẳng, vành miệng ngoài được vuốt cong vát lên vành miệng trong, tạo điểm tiếp xúc ở vành miệng trong. Vai xuôi đều xuống hông. Bình loại này có miệng tương ứng với kiểu miệng K8b.

Bình loại 7: Có tính chất gần giống với bình loại 6 nhưng mép miệng được vê tạo gờ ở vành miệng ngoài. Bình loại này có miệng tương ứng với kiểu miệng K8c.

c. Vò: Để phân biệt rõ ràng giữa bình và vò là rất khó. Tiện cho việc theo dõi, tôi tạm thời xếp nhóm tạo cổ cong xuôi xuống vai vào nhóm bình. Nhóm tạo cổ rất ngắn, vai phình rộng, thu nhỏ dần xuống chân đế, chân đế cắt bằng vào nhóm vò. Với đặc điểm này thì loại hình vò có một số loại sau.

Vò loại 1: Miệng rộng, vành miệng cao, loe cong, vai phình và gấp nhọn. Loại này có miệng tương ứng với miệng kiểu loại K6a.

Vò loại 2: Miệng loe khum, mép miệng dày hoặc rất dày, mặt trong vành miệng lõm và cong nhẹ ở cổ phía trong, vai xuôi. Vò thường có mặt ngoài xoa khá nhẵn, mặt trong nhiều vết rạn dọc thân. Vò loại này có miệng tương ứng với kiểu miệng K7h.

d. Nôi: Nôi gốm là loại đồ gốm được dùng với chức năng chính là phục vụ việc đun nấu. Với mục đích đó, nôi gốm thường không có chân đế, đáy hình cầu, miệng loe xiên, vành miệng đứng, khum, cong, cổ eo thắt gãy, trên vành miệng rất đa dạng với hình thức vạch các nét chìm bên ngoài vành miệng. Với các đặc trưng riêng biệt về cấu tạo vành miệng loại hình này gồm có một số loại sau.

Nôi loại 1: Miệng loe gãy, mép miệng gãy hoặc ưỡn, bản miệng rộng, hình lòng máng, trên vành miệng đôi khi có rất nhiều đường chải chìm chạy quanh vành miệng, vai xuôi và nở đáy. Mặt ngoài vành miệng thường có dấu vết thừng. Thân thường phủ thừng hoặc còn vết thừng mờ. Nôi loại này có miệng tương ứng với kiểu miệng K7a đến K7d.

Nồi loại 2: Miệng loe khum phần vành miệng trong được cắt cong lõm hình lòng máng tạo cho vành miệng trong hơi cong khum gập vào phía trong vành miệng, tạo gờ gãy góc ở cổ phía trong. Nồi loại này có miệng tương ứng với kiểu miệng K7a, K7b.

Nồi loại 3: Miệng loe gãy, bản miệng rộng, vành miệng trong được cắt cong lõm, mép miệng ngoài được vuốt nhọn tạo gờ, vai xuôi nở. Nồi loại này có miệng tương ứng với kiểu miệng K7c.

Nồi loại 4: Miệng loe xiên, bản miệng rộng, mép miệng vê tạo gờ, thành miệng dày, vành miệng trong thường có một đến hai rãnh lõm, vành miệng ngoài thường có một gờ nổi nhẹ. Nồi loại này có miệng tương ứng với miệng K7g đến K7e.

Nồi loại 5: Miệng loe xiên, bản miệng rộng khoảng 4 - 6cm, phẳng hoặc cong, mỏng ở mép và dày dần về phía chân, vai xuôi, đáy tròn. trên một số mảnh có dấu vết vành miệng được gắn vào vai nổi. Ở lớp sớm, toàn thân nồi phủ lớp áo màu xám, xám trắng trên nền cam. Nồi chỉ có ở những lớp sớm trên chất liệu gốm thô loại 1. Nồi loại này có miệng tương ứng với kiểu miệng 5.

Nồi loại 6: Miệng loe, bản miệng hẹp, mép miệng vuốt mỏng, vai xuôi xiên thẳng tạo gờ gãy góc với thân. Nồi thường làm bằng chất liệu gốm thô (chất liệu loại 1). Thành gốm dày đều, vai xuôi thường có 3 - 4 ngấn lõm nhẹ chạy quanh. Nồi loại này có miệng tương ứng với miệng 8e.

Nồi loại 7: Có vành miệng cao, loe ưỡn, mép miệng vê tròn, hông gập, đáy lồi hình trứng. Nồi loại này có miệng tương ứng với miệng 8f.

e. Chậu: Là loại hình đồ đựng có số lượng không nhiều, thường có kích thước lớn, rộng miệng, miệng loe xiên, cong hoặc đứng, đáy bằng và làm bằng gốm thô và gốm mịn. Cơ bản có 2 loại:

Chậu loại 1: Loại loe cong, mép miệng vuốt cong ở mép miệng ngoài, vành miệng trong hơi cong tạo gờ gãy góc ở cổ phía trong. Phần vành miệng sát cổ được cắt vát. Chậu loại này có miệng tương ứng với miệng 6e.

Chậu loại 2: Có miệng xiên ngang, mép miệng vuốt mỏng. Đôi khi trên vành miệng trong có tạo các đường khắc vạch chéo chạy quanh vành miệng, thành chậu xiên, đáy bằng. Chậu loại này có miệng tương ứng với miệng 6b, 6c.

f. Ly/cốc chân cao: Loại hình này có số lượng khá nhiều, hầu hết là mảnh vỡ rất ít hiện vật còn nguyên và đủ dáng. Dựa vào những hiện vật tìm thấy được loại hình này có các dạng sau:

Dạng thứ nhất: Có miệng tương ứng với kiểu miệng loại 2a miệng khum, mép miệng vuốt nhỏ, chân đế thuộc kiểu chân đế loại 9, loại chân đế loe choãi. Loại hình này cấu tạo gồm 2 phần: phần cốc phía trên có dạng thành cong khum thu tròn về đáy và phần chân đế. Ly bát miệng loe xiên, sâu lòng, chân đế cao, có trụ ngắn rồi loe choãi ngang. Trong di tích, loại hình này thường bị vỡ rời phần vành bát với chân đế. Tuyệt đại đa số loại hình này làm bằng chất liệu gốm mịn loại 1 và loại 2 bề mặt thường phủ lớp áo màu cam bóng. Mặt ngoài, nhất là vùng chân đế, có nhiều vết xước được tạo do xoa vuốt bằng bàn xoay, một số tiêu bản trong lòng bát còn có vết thô.

Dạng thứ hai: Thân cao miệng loe xiên, mép miệng vê tròn tạo gờ gãy góc phần thân sát chân đế sau đó cong xuôi xuống phần cổ. Phần chân đế của loại này giống với chân đế loại 9 nhưng không được tạo lỗ tròn ở chính giữa của chân đế. Được làm bằng chất liệu gốm thô (chất liệu loại 3), có xương gốm màu xám, lớp áo bên ngoài màu hồng nhạt.

Dạng thứ ba: Loại hình ly/cốc kích thước lớn, dáng hình quả chuông đã bị gãy phần chân đế, miệng loe, vành miệng cong chồm ra phía thành ngoài thân cốc, mép miệng vuốt nhỏ. Thành cốc cong vát xiên, phần thành sát đáy trong lòng cốc vẫn còn để lại dấu vết tay vuốt khi làm cốc. Thành ngoài giữa thân cốc được tạo một gờ nổi xung quanh thân cốc, dưới phần gờ nổi này có trang trí văn khắc vạch chéo theo thân cốc.

g. Hũ nhỏ

Có số lượng ít, trong đó có 01 tiêu bản còn nguyên, mép miệng vê tròn, vai xuôi, thân cong đều xuống đáy, đáy tròn. Thành ngoài thân hũ được tạo gờ nổi, dạng như những cánh hoa xung quanh thân hũ. Hũ được làm bằng chất liệu gốm thô pha bã thực vật (gốm thô loại 1), có màu xám, lớp áo bên ngoài màu trắng xám, cao 6cm, đường kính miệng 5,6cm, đường kính đáy 9,3cm.

h. Nắp đáy: Có số lượng khá lớn. Trong Văn hóa Óc Eo đây là một loại hình mang tính chất rất đặc trưng của nền văn hóa này cả về chất liệu cũng như hình dáng, có các loại sau:

* *Nắp loại 1:* Nắp hình đĩa. Chiếm số lượng nhiều nhất trong toàn bộ nhóm hiện vật tại di tích Gò Giồng Cát. Dựa vào phần núm cầm, có các kiểu sau:

- Kiểu 1: Nắp có dạng hình đĩa, vành nắp bẻ cong ra ngoài với mép vuốt tròn, chính giữa lòng nắp có gờ móc hình tròn, được làm bằng gốm mịn (chất liệu loại 2). Phần thân nắp được làm bằng phương pháp dãi cuộn trên bàn xoay, dấu vết dãi cuộn còn để lại những đường gờ nhẹ đồng tâm trên bề mặt và trong lòng nắp. Phần móc cầm được gắn vào sau có dạng hình tròn khum cong với một lỗ tròn nhỏ ở giữa dùng làm móc cầm.

Nắp đáy kiểu 1 được tìm thấy trong các di tích có niên đại Óc Eo sớm và tiền Óc Eo ở lưu vực sông Vàm Cỏ ở rìa phía bắc - tây bắc Đồng Tháp Mười (Gò Hàng, Gò Dung, Gò Đe...) và các di tích đồng đại ở vùng Tứ giác Long Xuyên (Gò Tư Trâm - Giai đoạn II, Gò Cây Thị, Gò Óc Eo, Lung Lớn ở lớp dưới cùng tầng văn hóa TV 01).

Những tiêu bản nắp loại này có kích thước và hình dáng tương ứng với đường kính và kiểu dáng các loại miệng nồi - vò - bình đặc trưng của giai đoạn Óc Eo sớm cũng như loại tô sâu lòng tiêu biểu của giai đoạn này.

Về nắp kiểu 1, L. Malleret đã cho biết những nắp này được tìm thấy trên khắp cánh đồng Óc Eo, Định Mỹ, không thấy ở Đá Nổi và Trâm Phô. Người ta cũng đã thấy những nắp đáy này ở Virampatnam (Wheeler, Arikamedu) và ông gọi đây là “loại nắp tiêu biểu nhất trong toàn bộ gốm ở Óc Eo” (L. Malleret 1960).

Loại hình nắp đáy có gờ móc được tìm thấy trong các di tích từ thời kỳ tiền Óc Eo đến Óc Eo - Giai đoạn sớm. Tuy vậy, đặc điểm của loại nắp này giữa hai thời kỳ có sự khác nhau rõ rệt, thể hiện trên sự thay đổi của phần vành móc.

Loại nắp đáy này được làm bằng gốm mịn (chất liệu loại 2) có xương gốm màu vàng nhạt, áo màu vàng cam hay nâu đỏ đậm. Chúng được chế tác bằng kỹ thuật bàn xoay với dấu vết rất đặc trưng là đường rãnh xoáy tròn ốc từ tâm ra đến ngoài vành nắp.

- Kiểu 2: Cũng là nắp đáy có dạng hình đĩa, kích thước nhỏ (đường kính 10-13cm), giữa lòng đáy có núm cầm hình mũ đỉnh. Nắp làm bằng nhiều loại chất liệu khác nhau, là loại nắp đặc trưng và rất phổ biến, có mặt trong hầu hết các di tích văn hóa Óc Eo, được nặn bằng tay, dãi cuộn. Núm cầm kiểu này có cấu trúc hình dạng khá thống nhất, hình mũ đỉnh, song cũng khá đa dạng về kiểu dáng (mũ đỉnh cong lồi, lõm), kích thước lớn - nhỏ và một số có trang trí hoa văn.

Nắp kiểu 2 thuộc giai đoạn Óc Eo sớm có đặc điểm hình đĩa tròn sâu lòng, vành nắp bề loe cong lật ra ngoài với viền mép vê tạo gờ tròn. Giữa lòng nắp có một núm cầm nhỏ hình mũ đỉnh, có đỉnh cong lồi. Loại nắp này đặc trưng bởi chất liệu đất sét pha bã thực vật, có màu xám đen và được phủ lớp áo màu trắng mốc, ngả vàng hoặc nâu. Loại chất liệu sét mịn màu nâu vàng, bề mặt ngoài có lớp áo mỏng màu vàng cam hay nâu đỏ, được tìm thấy phổ biến trong lớp Văn hóa Óc Eo sớm ở đồng bằng sông Cửu Long, cùng với những nắp kiểu 1.

Nắp kiểu 2 giai đoạn Óc Eo muộn hơn thường được làm bằng chất liệu gốm pha cát hạt mịn hoặc gốm sét mịn màu nâu hồng, vàng nhạt hoặc xám vàng. Nắp có dạng hình đĩa nông lòng, thân nắp dày, vành nắp vuốt tròn đơn giản. Núm cầm hình mũ đỉnh thường có đầu bằng hoặc cong lồi nhẹ.

- Kiểu 3: Được làm bằng gốm thô (chất liệu loại 2), xương gốm màu xám, lớp áo bên ngoài màu trắng xám bề mặt không nhẵn, rất thô và chất liệu gốm pha bã thực vật (gốm thô, chất liệu loại 1), xương gốm màu xám đen, áo bên ngoài màu nâu đỏ. Đây là loại hình có núm cầm rất khác so với hai kiểu trước đó, núm cầm có dạng dẹt hình chữ nhật được gắn vào sau khi đã làm xong nắp. Núm cầm có kích thước cao 2cm, rộng 4,5cm và dày 1,2cm.

* *Nắp loại 2*: Nắp hình tháp có số lượng rất ít, tại di tích Gò Giồng Cát mới phát hiện được 03 tiêu bản đều đã bị vỡ. Trong đó có 2 mảnh chóp nắp dạng hình trụ tròn (dạng như bông sen chưa nở) trên đỉnh được tạo nhọn, làm bằng gốm thô pha bã thực vật, xương gốm màu xám đen, lớp áo bên ngoài màu hồng nhạt, kích thước dài 6,5cm đường kính 4,5cm. Tiêu bản còn lại là phần thân nắp bị gãy phần trên còn lại phần dưới của nắp gồm có ba tầng. Có vành miệng thót vào, phần trên nắp có các gờ nổi cao tạo thành hình nhiều tầng chồng lên nhau giống hình stupa, chóp núm hình tròn hay hình củ hành. Được làm bằng tay từ đất sét mịn (gốm thô, loại 2), xương gốm màu xám, lớp áo bên ngoài màu vàng nhạt. Bên ngoài được trổ lỗ, lòng rỗng, mặt ngoài tạo các gờ viền xung quanh.

* *Nắp loại 3*: Loại nắp hình nấm có số lượng 20 tiêu bản. Dáng cơ bản của loại này là nắp gồm có hai phần, phần núm cầm hình nấm có dạng tròn dẹt, trên đỉnh núm cầm có hình mũ đỉnh có các dạng khác nhau. Phần thân nắp hình chuông, rỗng ở giữa. Phần rìa cạnh và phần đáy của nắp thường được trang trí các đường tròn đồng tâm. Thường nặn bằng tay, được làm bằng chất liệu gốm mịn (chất liệu loại 2), có màu xám trắng, hồng nhạt hoặc màu nâu đỏ.

* *Nắp loại 4*: Loại nắp dạng hình nút chai loại này có 01 tiêu bản còn đủ dáng cao 5,3cm, được làm bằng gốm thô (chất liệu loại 3), xương gốm màu xám, lớp áo bên ngoài màu nâu đỏ. Hình dáng cơ bản của loại này gồm có ba phần. Phần núm cầm được tạo dạng mũ đỉnh, xung quanh được tạo các rãnh trang trí, cao 1,8cm, đường kính 2,2cm. Phần đai tròn, đây là phần ở giữa tách biệt phần núm cầm và nút đáy có dạng đai tròn, có đường kính 5,3cm, dày 1cm. Phần nút đáy ở dưới cùng có dạng trụ tròn cao 2cm, đường kính 2,9cm. Về cơ bản loại hình này rất giống với nút chai hiện đại ngày nay.

* *Nắp loại 5*: Loại nắp hình nón có 02 tiêu bản. Tiêu bản thứ nhất thành cong xuôi, núm cầm dạng tròn dẹt, ở chính giữa có tạo một lỗ tròn, xương gốm màu xám, lớp áo bên ngoài màu nâu nhạt. Kích thước núm cầm cao 0,8cm, đường kính 2,5cm, đường kính lỗ tròn 1,5cm, dày xương gốm 0,5cm. Tiêu bản thứ hai là nắp cầm rất lớn được làm bằng chất liệu gốm thô (loại 3), đã vỡ phần thân nắp chỉ còn lại phần núm cầm dạng tròn dẹt, mặt được tạo hơi cong và được gắn vào sau khi làm xong nắp.

i. Chai gốm

Chai gốm là loại hình được làm với chất liệu rất phong phú như được làm bằng đất sét giống chất liệu gạch trong KT13 ở hố H4 nằm trực tiếp trên lớp cư trú sớm. Được làm bằng chất liệu sét mịn trộn lẫn vỏ trấu, xương gốm thô, dày, rất đặc trưng với màu đỏ hồng gạch cùng với dấu vết kỹ thuật dải cuộn tạo thành những nếp - sóng cuộn theo chiều tròn ốc từ đáy lên, chất liệu cát mịn. Cấu trúc của chai gốm gồm hai phần: phần miệng hình trụ tròn, vành miệng thường loe nhẹ hoặc chỉ là một viền vê tròn quanh vành mép, cổ thắt gấp; phần thân hình trụ tròn thuần dài xuống đáy, đáy tròn. Miệng loại này tương ứng với kiểu miệng 13.

Loại hình chai gốm được phát hiện trong nhiều di chỉ cư trú Văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ Việt Nam, trong đó hầu hết tập trung trong tầng văn hóa giai đoạn Óc Eo phát triển. Tại khu di tích Gò Tháp, thống kê được 70 mảnh chai gốm trong lớp đất đắp có nhiều gạch vỡ thuộc giai đoạn Óc Eo phát triển. Loại hình này cũng được tìm thấy trong các di tích Óc Eo - Ba Thê (Gò Tư Trâm, Gò Cây Thị, Gò Cây Me), Gò Tháp, Giồng Phệt, Nền Vua... có niên đại từ thế kỷ II đến thế kỷ VII-VIII.

k. Chén/cốc

Loại này có số lượng không nhiều chỉ có 15 tiêu bản nhưng lại có hình dáng và kích thước khá phong phú với các dạng thể hiện khác nhau đây là những chén cốc có kích thước rất nhỏ. Chén cốc cao trung bình 2-2,5cm, đường kính miệng 3,2-4,2cm, đường kính đáy 2,2-3,5cm. Trong di tích loại hình chén cốc này có một số còn nguyên, còn phần lớn bị vỡ. Chúng làm bằng gốm thô chất liệu loại 2 và loại 3 và chỉ xuất hiện trong lớp khai quật phía trên của di tích. Gồm một số loại sau:

Loại 1: Có 6, trong đó 5 tiêu bản còn đủ dáng, 01 tiêu bản còn lại phần đáy, đều làm bằng gốm thô, cát trong xương gốm có kích thước trung bình, bề mặt thường màu nâu đỏ, trắng ngà hoặc màu xám. Lòng chén cốc thường bám lớp hữu cơ dày bị cháy đen hoặc có dấu vết bị cháy đen, mặt đáy chén cốc không có dấu vết bị đốt cháy. Chén cốc thường có miệng khum nhẹ, thân xiên thẳng, đáy bằng hoặc miệng loe xiên, thuần hơi cong về đáy, đáy bằng hoặc miệng đứng, đáy lồi được làm bằng gốm thô (chất liệu loại 3).

Loại 2: Có 3 tiêu bản, trong đó có hai mảnh vỡ ở H04.L4 và 01 tiêu bản còn đủ dáng. Miệng loe xiên, mép miệng ấn ngón tay tạo hình răng cưa, thân xiên về đáy, đáy bằng. Cát trong xương gốm nhiều và thô, xương màu xám nâu, lớp áo bên ngoài màu xám bề mặt thường màu nâu nhạt.

Loại 3: Có 02 mảnh của loại hình chén cực nhỏ, miệng loe cong, mép miệng rất nhỏ thành cong, đáy cong tròn. Dưới đáy có phủ vân thừng. Chén được làm bằng chất liệu gốm mịn có màu xám trắng hoặc xám đen, xương gốm rất mỏng. Một số tiêu bản trong lòng có vết xước chéo từ thành xuống đáy.

Loại 4: Có 01 tiêu bản loại hình cốc nhỏ, thành vát xiên mép miệng thẳng, nhỏ. Chân đế đặc, loe, đáy chân đế cắt lõm, tạo điểm tiếp xúc của chân đế nhỏ. Được làm bằng gốm thô (chất liệu loại 3), có màu xám trắng. Kích thước cao 3cm, đường kính miệng 5,5cm, đường kính đáy 3,8cm, dày xương gốm 0,3cm.

m. Đĩa nhỏ

Có 03 tiêu bản loại hình đĩa cực nhỏ, trong đó có 02 mảnh vỡ, (01 tiêu bản còn đủ dáng, 01 tiêu

bản nguyên), được làm bằng chất liệu đất pha nhiều cát, hạt cát có kích thước nhỏ chất liệu gốm thô (loại 3), chất liệu gốm mịn (loại 2). Về dáng có hai loại sau:

Loại 1: Có 02 tiêu bản, trong đó có 1 tiêu bản vỡ và 01 tiêu bản còn đủ dáng. Đĩa được làm bằng chất liệu gốm thô pha nhiều cát, có màu xám trắng và nâu đỏ, thành vát xiên, mép miệng thẳng vành miệng dày. Vành miệng không tròn, méo như một dạng đĩa đèn dầu, nhưng không có vết cháy đen, đáy cong tròn, cao 1,6cm, đường kính miệng 5,5cm, đường kính đáy 2,7cm.

Loại 2: Loại đĩa nhỏ, thành vát xiên, mép miệng thẳng, đáy bằng. Được làm bằng chất liệu sét mịn, xương màu xám, áo màu hồng nhạt. Cao 1cm, đường kính miệng 5,3cm, đường kính đáy 4cm.

n. đĩa đèn

Loại này có 01 tiêu bản được làm bằng chất liệu gốm mịn, có hình dáng gần giống muôi/thìa gốm cong hình lòng máng, phần chuôi được bóp nhỏ để đặt bắc. Lớp áo bên ngoài màu hồng nhạt, cao 3,9cm, rộng 3,2cm và dày 0,1cm.

4. Nghiên cứu so sánh và thảo luận

Kết quả khai quật và phân tích niên đại trong giai đoạn 1998 - 2002 đã được P.Manguin tổng hợp trong hệ thống phân kỳ các giai đoạn hình thành và phát triển của khu di tích Óc Eo - Ba Thê qua 3 giai đoạn kéo dài từ thế kỷ I đến thế kỷ XII (P.Manguin 2002: 44) gồm ba giai đoạn phát triển chính:

- *Giai đoạn 1: Thế kỷ I - III, các điểm cư trú hình thành và phát triển trên cánh đồng Óc Eo;*
- *Giai đoạn 2: Thế kỷ IV-VII, hình thành và vận hành hệ thống kênh đào. Trên các gò cao như Giồng Cát, Gò Óc Eo... phân bố dọc theo Lung Lớn phát triển các kiến trúc tôn giáo có quy mô lớn;*
- *Giai đoạn 3: Thế kỷ VII-XII, các di tích kiến trúc có xu hướng phát triển mạnh trên khu vực sườn và chân núi Ba Thê, khu vực cánh đồng Óc Eo không tiếp tục phát triển nữa*

So sánh kết quả khai quật khu vực Gò Óc Eo và Gò Giồng Cát giai đoạn 2018 - 2020, có thể thấy có những nét tương đồng cao về mặt địa tầng với kết quả khai quật giai đoạn 1998 - 2002. Về mặt loại hình học, đặc điểm đồ gốm phát hiện trong lớp cư trú sớm ở cả Gò Giồng Cát và Gò Óc Eo đều mang những đặc điểm đặc trưng cơ bản tương ứng với ba giai đoạn phát triển nói trên.

Như vậy, chúng ta có thể thấy diễn biến sự phát triển gốm của khu di tích Gò Giồng Cát nằm chung trong diễn biến phát triển đồ gốm ở khu vực Óc Eo.

Đến hiện tại chưa có bất kỳ một mô tả chi tiết sự phân chia loại hình về đồ gốm giai đoạn sớm ở châu thổ Mekong được xuất bản. Malleret (1960) đã có minh họa tới 67 'loại hình' đồ gốm từ Óc Eo, nhưng chỉ mô tả xương gốm và bề mặt của 5 loại trong số đó (Malleret 1959 -1963: 97-100). Đồ gốm Angkor Borei tìm thấy với 12 loại hình, qua kết cấu xương gốm, hình dáng và thành phẩm của đồ gốm cord-marked (gốm vân thừng) cho thấy chức năng đun nấu; nhóm đồ gốm này xuất hiện trong hầu hết các lớp cư trú tại Angkor Borei, và cũng tìm thấy tại các di tích cùng thời ở châu thổ Mekong (Malleret 1960: 141-2). Đồ gốm có xương mịn, màu cam (fine orangeware) chỉ được tìm thấy ở giai đoạn 2 (100 BC - 200/300 AD), và có thể là có giới hạn về sự phân bố. Đồ gốm xương mịn, bề mặt nhẵn bóng (fine buffwares), tương ứng với giai đoạn 3 (200/300-600 AD), có sự phân bố rộng nhất trong số 3 nhóm gốm này (Miriam Stark 2000: 75-76).

Cùng với các so sánh và tư liệu địa tầng tại di tích Gò Giồng Cát, nhiều hiện vật tiêu biểu được phát hiện, qua đó có thể xác định được khung niên đại sớm cho khu vực này. Trong lớp TV01, xuất hiện số lượng lớn các loại hình gốm gia dụng, tập trung chủ yếu ở hai nhóm: (1) gốm mịn, có xương gốm tốt và lớp áo màu cam; (2) gốm mịn, có xương chắc và lớp áo ngoài màu đen bóng. Các loại hình tiêu biểu gồm nôi, nắp đậy, bình kendi, cốc (ly) chân thấp và rộng, bát, bát bông... Với số lượng lớn và đặc điểm hình thái, theo nhận định của các nhà nghiên cứu, hai nhóm gốm này có thể được định niên đại vào khoảng thế kỷ II-III sau Công nguyên. Cùng với đồ gốm trong lớp đất (TV01) phát hiện chiếc nhẫn vàng trên mặt nhẫn trang trí hình bò Nadin đang nằm. Loại hình này chỉ thấy xuất hiện trong văn hóa Óc Eo.

Giai đoạn sớm (TV01) có thể là khu vực cư trú với các kiến trúc dạng nhà được xây dựng trên cột. Đặc biệt là nhóm gốm có lớp áo màu cam và nhóm gốm có xương và áo bên ngoài đen bóng cùng với loại hình hiện vật mang tính giao lưu thương mại là chiếc gương đồng thời Đông Hán được xuất lộ ở lớp 06 (TV01) có thể xác định niên đại của lớp (TV01) vào khoảng thế kỷ II → thế kỷ III sau Công Nguyên.

Một vấn đề cần được quan tâm là trong lớp văn hóa được xác định là giai đoạn sớm (TV01) tại Gò Giồng Cát, không phát hiện lớp niên đại sớm hơn. Tuy nhiên, các sản phẩm gốm trong lớp này lại cho thấy chất lượng cao, kỹ thuật chế tác tinh xảo - cho thấy cư dân tại đây đã đạt đến trình độ làm gốm rất cao. Câu hỏi đặt ra là: liệu cư dân bản địa ở đây ngay từ những năm đầu Công nguyên đã đạt đến trình độ sản xuất gốm tinh xảo như vậy, hay các sản phẩm gốm đó du nhập qua con đường giao thương? Hoặc cũng có thể giai đoạn này đã có một đợt di cư của nhóm cư dân có tay nghề cao về gốm, kết hợp với cư dân bản địa, tạo nên một nền văn hóa Óc Eo phát triển rực rỡ. Những vấn đề này cần tiếp tục được nghiên cứu sâu hơn trên một không gian khảo cổ rộng lớn hơn trong tương lai.

Thay lời kết

Trên cơ sở các mô tả, phân tích và so sánh, có thể thấy rằng đồ gốm ở khu vực Gò Giồng Cát (Óc Eo - Ba Thê) không chỉ phản ánh rõ nét loại hình và niên đại mang tính bản địa, mà còn cho thấy sự du nhập của các yếu tố từ vùng khác. Những yếu tố ngoại lai này ít nhất đã xuất hiện và trở nên khá phổ biến ở Óc Eo - Ba Thê ngay từ đầu Công nguyên.

Từ những phát hiện về nhóm đồ gốm tại khu vực Gò Giồng Cát, khi đặt trong tương quan so sánh với các khu vực lân cận, có thể nhận thấy sự hiện diện sớm của cư dân trên vùng đất này. Theo đó, từ khoảng thế kỷ I sau Công nguyên, các yếu tố tôn giáo Ấn Độ đã có mặt và lan rộng tại đồng bằng sông Cửu Long, gắn liền với quá trình hình thành văn hóa Óc Eo cũng như sự phát triển của các hoạt động giao thương và giao lưu văn hóa trên vùng châu thổ.

Những tư liệu mới từ Gò Giồng Cát góp phần làm sáng tỏ quá trình giao lưu, tiếp biến giữa hai thành tố văn hóa: nội sinh và ngoại nhập trong văn hóa Óc Eo, đặc biệt là sự giao thoa đậm nét giữa văn hóa bản địa và văn hóa Ấn Độ. Song song với quá trình này là sự xâm nhập và phát triển của tôn giáo Ấn Độ tại vùng đất phía Nam.

Sự hiện diện và phát triển của tôn giáo Ấn Độ ở đồng bằng sông Cửu Long là một tiến trình kéo dài qua nhiều giai đoạn hình thành và phát triển của văn hóa Óc Eo. Ngay từ trước khi xuất hiện các kiến trúc tôn giáo quy mô lớn vào giai đoạn Óc Eo phát triển, tín ngưỡng Ấn Độ đã được phổ biến rộng rãi và phát triển khá đa dạng trên vùng đồng bằng này.

TÀI LIỆU DẪN

- ÉTIENNE LUNET DE LAJONQUIÈRE 1901- 1911. *Inventaire descriptif des monuments du Cambodge*. Imprimerie Nationale (Paris).
- ÉTIENNE LUNET DE LAJONQUIÈRE 1901. *Atlas archéologique de l'Indo-Chine. Monuments du Champa et du Cambodge*. Librairie Ernest Leroux, Paris.
- JEAN BOUCHOT 1928. *Báo cáo nội bộ trong dịp khánh thành Bảo tàng Blanchard de la Brosse* (nay là Bảo tàng Lịch sử TP.HCM). Jean Bouchot đã yêu cầu chuyển các hiện vật từ Ba Thê.
- LOUIS MALLERET (1959-63). Tập 1. “*Khảo cổ ở vùng châu thổ sông Mê Công*”. Paris, Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp. Bản dịch Bảo Tàng Lịch sử Việt Nam, năm 1970.
- LOUIS MALLERET 1959. *Khảo cổ học đồng bằng sông Cửu Long*. Tập I - Các di tích Văn hóa Óc Eo. BEFEO. Paris (bản dịch 1969).
- LOUIS MALLERET 1960. *Khảo cổ học đồng bằng sông Cửu Long*. Tập II - Di vật Văn hóa Óc Eo. BEFEO. Paris (bản dịch 1970).
- PIERRE YVES MANGUIN 2002. *Báo cáo kết quả nghiên cứu khảo cổ học thuộc lưu vực châu thổ sông Cửu Long - mùa điền dã năm 2002*.
- PHẠM HOÀNG QUÂN 2019. *Gia Định Thành Thông Chí* (bản dịch) (Quyển 2 - Sơn xuyên chí). Nxb. Tổng Hợp TP.HCM: 71, 72.
- STARK, MIRIAM 2000. “Pre-Angkor Earthenware Ceramics from Cambodia’s Mekong Delta.” *Udaya: Journal of Khmer Studies* 1: 76.

THE GÒ GIỒNG CÁT POTTERY: A VIEW FORM STRATIGRAPHY ON THE ÓC EO CULTURE

NGUYỄN VĂN MẠNH

This article presents the results of archaeological excavations at the Gò Giồng Cát site, located northwest of the ancient Óc Eo city (An Giang, Vietnam). Through stratigraphic analysis and examination of more than 330,000 pottery fragments, the study highlights the evolution of pottery types and materials across different phases of the Óc Eo culture. The stratigraphy comprises two main cultural layers (TV01 and TV02), clearly demonstrating the distribution of both coarse and fine pottery. The Gò Giồng Cát pottery is classified in detail based on material, rim and base morphology, and function (e.g: jars, pots, cups, lids). Notably, the presence of fine pottery with orange slip or black-polished surfaces indicates high craftsmanship and cultural exchanges with India and Southeast Asia. Findings confirm that Gò Giồng Cát was an important component of the Óc Eo urban system, active from the early to late Óc Eo phases, contributing to the understanding of material culture and social organization in the Mekong Delta during the Óc Eo cultural perio.

